

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2021/HS-ST

Ngày 17-11-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thúy Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Xuân và ông Lê Xuân Nghiêm.

- Thư ký phiên toà: Bà Vy Thị Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Triệu Văn T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 02 tháng 8 năm 1976 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn M, sinh năm 1955 và bà Hoàng Thị T, đã chết; có vợ là Hoàng Thị Đ, sinh năm 1974 và 02 con, con lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06 tháng 8 năm 2021 đến nay; có mặt.

2. Chu Văn T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 23 tháng 11 năm 1981 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn D (đã chết) và bà Triệu Thị C, (đã chết); có vợ là Đặng Thị L, sinh năm 1981 và 02 con, con lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06 tháng 8 năm 2021 đến nay; có mặt.

3. Hoàng Văn K, tên gọi khác: Không; sinh ngày 06 tháng 11 năm 1991 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12;

dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T, sinh năm 1969 và bà Triệu Thị T, sinh năm 1972; có vợ là Lô Thị T, sinh năm 2000 và 02 con, con lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số: 12/HS-ST, ngày 28-4-2010, Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 30-8-2011; tại bản án số 73/2015/HSST ngày 27-11-2015, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn, xử phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích; tại bản án số: 09/2016/HSPT, ngày 02-02-2016, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm, xử phạt 15 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 24-01-2017, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06 tháng 8 năm 2021 đến nay; có mặt.

4. Hoàng Văn L, tên gọi khác: Không; sinh ngày 01 tháng 9 năm 1987 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T (đã chết) và bà Mông Thị S, sinh năm 1961; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 và 02 con, con lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06 tháng 8 năm 2021 đến nay; có mặt.

5. Triệu Văn D, tên gọi khác: Không; sinh ngày 17 tháng 12 năm 1984 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn M, sinh năm 1965 và bà Lục Thị S, sinh năm 1965; có vợ là Linh Thị T, sinh năm 1990 và 03 con, con lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06 tháng 8 năm 2021 đến nay; có mặt.

6. Hoàng Văn T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 8 năm 1971 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Đ (đã chết) và bà Lý Thị H, sinh năm 1949; có vợ là Vi Thị L, sinh năm 1974 và 02 con, con lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06 tháng 8 năm 2021 đến nay; có mặt.

7. Đặng Hồng Q, tên gọi khác: Không; sinh ngày 21 tháng 4 năm 1976 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng

Văn T (đã chết) và bà Hoàng Thị S (đã chết); có vợ là Hoàng Thị B, sinh năm 1982 và 03 con, con lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số: 80/HS-ST, ngày 25-4-2000, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, xử phạt 05 năm tù về tội Tàng trữ, lưu hành tiền giả, chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 02-9-2002, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06 tháng 8 năm 2021 đến nay; có mặt.

8. Đường Văn T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 18 tháng 02 năm 1988 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đường Văn C, sinh năm 1966 và bà Ngọc Thị T, sinh năm 1964; có vợ là Mông Thị T, sinh năm 1992 và 04 con, con lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06 tháng 8 năm 2021 đến nay; có mặt.

9. Hứa Văn Q, tên gọi khác: Không; sinh ngày 01 tháng 12 năm 1985 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Pồ Nim, xã Vân Nham, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa Hồng G, sinh năm 1953 và bà Lăng Thị S, sinh năm 1951; có vợ là Linh Thị T, sinh năm 1987 và 03 con, con lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06 tháng 8 năm 2021 đến nay; có mặt.

10. Hứa Văn T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 02 tháng 5 năm 1990 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa Văn P, sinh năm 1968 và bà Trần Thị B, sinh năm 1967; có vợ là Lưu Thị X, sinh năm 1995 và 02 con, con lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018; tiền sự: Không, tiền án: Tại bản án số: 81/2019/HSST, ngày 27-11-2019, Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc; nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06 tháng 8 năm 2021 đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Vương Văn P, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Hứa Văn Q, sinh năm 1991; có mặt.

2. Hoàng Thị Đ, sinh năm 1974; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 30 phút, ngày 03-8-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn phát hiện một số đối tượng có hành vi Đánh bạc tại nhà của Triệu Văn T ở Thôn Đ, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, khi phát hiện lực lượng Công an đến, những người đánh bạc đã bỏ ra sân. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng đã mời những người có liên quan vào đây nhà ngang nơi các đối tượng đã đánh bạc để lập biên bản đối với Triệu Văn T, Triệu Văn D, Hoàng Văn K, Vương Văn P, Chu Văn T, Hoàng Văn L. Một số các đối tượng khác đã ra về trước đó hoặc bỏ chạy khi Công an đến kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện thu giữ 01 chiếc chiếu cói, 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 08 quân vị, 01 bảng vị bằng bìa các tông, thu giữ số tiền 10.590.000 đồng và tài sản có liên quan để phục vụ điều tra về hành vi đánh bạc.

Qua điều tra làm rõ: Buổi trưa ngày 03-8-2021, Triệu Văn T mời Hoàng Văn L và Hoàng Văn T đến nhà ăn cơm, sau khi ăn cơm xong có Hoàng Văn K đến chơi, Triệu Văn T, Hoàng Văn L, Hoàng Văn T, Hoàng Văn K cùng nhau đánh bạc, sau đó Triệu Văn T liên lạc cho Chu Văn T đến, lúc này Chu Văn T đang đi cùng Hứa Văn T, do sợ Đánh bạc hết tiền Chu Văn T đã đưa cho Hứa Văn T 5.000.000 đồng, bảo Hứa Văn T giữ hộ rồi cùng đi đến nhà Triệu Văn T. Khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày Triệu Văn T, Hoàng Văn K, Chu Văn T, Hoàng Văn L, Hoàng Văn T xuống phòng ngủ dãy nhà ngang của Triệu Văn T để cùng nhau đánh bạc. Triệu Văn T lấy 01 chiếu, Chu Văn T trải chiếu, Triệu Văn T lấy 01 bát, 01 đĩa sứ, 04 quân vị, 01 bảng vị được làm bằng bìa các tông để ở trong phòng từ trước đem ra để ở chiếu rồi cùng nhau đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa. Chu Văn T là người xóc cái, Triệu Văn T cầm bảng vị tham gia đánh bạc cùng mọi người. Khi bắt đầu đánh bạc, Hoàng Văn L gọi điện cho Đường Văn T đến tham gia đánh bạc, đến khoảng 14 giờ 30 phút có Hứa Văn Q, Triệu Văn D, Đặng Hồng Q biết có đánh bạc nên cũng đến nhà Triệu Văn T tham gia đánh bạc. Chu Văn T tiếp tục xóc cái, Triệu Văn T tiếp tục cầm bảng vị cùng Hoàng Văn K, Hoàng Văn L, Hoàng Văn T, Đường Văn T, Hứa Văn Q, Triệu Văn D, Đặng Hồng Q đánh bạc. Hứa Văn T, Vương Văn P, Hứa Văn Q đứng xem đánh bạc.

Chu Văn T xóc cái đánh bạc đến khoảng 15 giờ 30 phút thì chuyển cho Hoàng Văn K xóc cái, khi đang xóc cái đánh bạc Hoàng Văn K hết tiền đã hỏi vay tiền của Hứa Văn T để đánh bạc, Hứa Văn T biết Hoàng Văn K vay tiền để đánh bạc, nhưng vẫn đồng ý rồi lấy số tiền do Chu Văn T đưa cho Hứa Văn T giữ hộ đưa cho Hoàng Văn K vay 03 lần tổng số tiền 5.000.000 đồng, khi Hứa Văn T cho Hoàng Văn K vay tiền, Chu Văn T có nói tiền của Chu Văn T đưa cầm hộ sao lại cho Hoàng Văn K vay, Hứa Văn T bảo Hoàng Văn K là bạn tôi Hoàng Văn K có trách nhiệm trả. Trong khi xóc cái đánh bạc Hoàng Văn K thắng bạc đã trả tiền cho Hứa Văn T thì Hứa Văn T bảo cứ đưa cho Chu Văn T

vì đó là tiền của Chu Văn T rồi Hứa Văn T đi về. Hoàng Văn K đã trả cho Chu Văn T 03 lần đủ số tiền 5.000.000 đồng.

Các bị cáo cùng nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa như sau: Người xóc đĩa (còn gọi là người cầm cái) ngồi ở một đầu chiếu, quy định người đánh bạc ngồi bên tay phải người cầm cái là cửa chắn, người ngồi bên tay trái là cửa lẻ. Khi bắt đầu một ván bạc, người cầm cái cho bốn quân vị (được làm bằng mảnh tre, cắt hình chữ nhật, một mặt bôi đen) vào trong một chiếc đĩa và úp bát lên rồi xóc. Khi xóc xong đặt xuống chiếu, những người đánh bạc đặt tiền theo cửa chắn hoặc cửa lẻ. Sau khi đặt tiền xong, người cầm cái mở bát ra, nếu quân vị trong đĩa là số chắn thì những người đặt cửa chắn thắng tiền, cửa lẻ thua tiền và ngược lại. Chắn là khi có cả bốn quân vị cùng màu hoặc hai quân trắng, hai quân đen. Lẻ là khi có ba quân đen và một quân trắng hoặc ngược lại. Người xóc cái sẽ lấy tiền của người thua trả cho người thắng, tỷ lệ là 01 ăn 01, còn thừa thì người xóc cái được hưởng, nếu thiếu thì người xóc cái bỏ tiền ra bù.

Hình thức đánh bằng vị như sau: Bảng vị bằng bìa các tông được kẻ thành 04 ô vuông gồm: 01 ô có 04 hình tròn màu đen, gọi là 04 ô đen, 01 ô có 04 hình tròn không tô màu, gọi là 04 ô trắng (là hai ô chắn); 01 ô có 03 hình tròn màu đen, gọi là ô 3 đen, 01 ô có 03 hình tròn không tô màu, gọi là ô 3 trắng (là hai ô lẻ). Người đánh bạc đặt tiền vào các ô trên bảng vị, kết quả ván bạc căn cứ theo kết quả xóc đĩa, kết quả tương ứng với ô nào thì người cược ở ô đó thắng theo tỷ lệ 1 ăn 3 tại các ô lẻ và 1 ăn 10 tại các ô chắn; nếu kết quả xóc đĩa là 02 đen, 02 trắng thì người đánh bạc thua, người cầm bảng vị được hưởng toàn bộ số tiền cược trên các ô.

Quá trình điều tra làm rõ Triệu Văn T sử dụng 1.300.000 đồng để đánh bạc (T có 300.000 đồng, được Hoàng Văn T trả cho 1.000.000 đồng, trong khi đánh bạc đã cho D vay 500.000 đồng), khi Công an phát hiện thu giữ 590.000 đồng; Chu Văn T sử dụng 1.700.000 đồng để đánh bạc (T có 1.700.000 đồng; số tiền 5.000.000 đồng T đưa cho Hứa Văn T giữ hộ, Hứa Văn T đã cho K vay, sau đó K đã trả cho T, xác định số tiền này đã sử dụng vào việc đánh bạc), khi Công an thu giữ là 6.830.000 đồng; Hoàng Văn K sử dụng 5.400.000 đồng để đánh bạc (có trước 400.000 đồng, vay tiếp của T 05 triệu đồng), Công an bắt thu giữ số tiền 100.000 đồng; Hoàng Văn L sử dụng số tiền 900.000 đồng để đánh bạc, Công an bắt thu giữ 2.930.000 đồng khi đó đang thắng bạc; Triệu Văn D sử dụng số tiền 500.000 đồng để đánh bạc, Công an đến kiểm tra thu giữ 140.000 đồng; Hoàng Văn T sử dụng số tiền đánh bạc 1.380.000 đồng; Hứa Văn Q sử dụng số tiền 200.000 đồng để đánh bạc; Đường Văn T sử dụng 350.000 đồng để đánh bạc; Đặng Hồng Q sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc (Hoàng Văn T, Hứa Văn Q, Tiến và Đặng Hồng Q đã bị thua hết tiền khi đánh bạc); Hứa Văn T tuy không tham gia đánh bạc nhưng đã có hành vi giúp sức cho Hoàng Văn K mượn 05 triệu đồng để Hoàng Văn K đánh bạc xác định là đồng phạm trong vụ án. Tổng số tiền chứng minh các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 10.590.000 đồng.

Vật chứng thu giữ được gồm có: 01 chiếc điện thoại di động OPPO A3S màu đỏ của Triệu Văn T; 01 chiếc điện thoại di động VIVO màu xanh của Chu

Văn T; 01 điện thoại di động SamSung GalaxyJ7, màu đen của Hoàng Văn L. Đối với 01 chiếc điện thoại của OPPO A37 của Đường Văn T, theo Đường Văn T khai nhận đã rơi mất khi đi làm nên không thu giữ được. Vật chứng đã thu không liên quan đến việc đánh bạc: Triệu Văn T 600.000 đồng, Vương Văn P 40.000 đồng và 01 điện thoại di động OPPO F11, màu xanh; 01 điện thoại di động SamSung GalaxyJ7, màu vàng của Triệu Văn D; 01 điện thoại di động OPPO A93, màu xanh của Hoàng Văn K.

Tại bản kết luận giám định số: 386/KLGD-PC09 ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Toàn bộ số tiền thu giữ, gửi giám định đều là tiền thật.

Tại bản Cáo trạng số: 76/CT-VKS, ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Triệu Văn T, Chu Văn T, Hoàng Văn K, Hoàng Văn L, Triệu Văn D, Đường Văn T, Hứa Văn Q, Hoàng Văn T, Đặng Hồng Q, Hứa Văn T, về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu ở trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Vương Văn P vắng mặt tại phiên tòa, lời khai trong hồ sơ thể hiện: Khoảng 16 giờ ngày 03-8-2021 anh có mang cho anh Hoàng Văn K 01 bao thuốc lá vào nhà ông Triệu Văn T thì có thấy Khánh và một số người nữa tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền, anh ở trong phòng xem mọi người chơi được 2,3 ván rồi đi ra ngoài sân chơi điện thoại, khoảng 17 giờ Công an vào bắt quả tang đưa những người đánh bạc về cơ quan công an huyện làm việc, anh không tham gia đánh bạc nhưng do anh có mặt tại nơi mọi người đánh bạc nên Công an đã mời anh về làm việc và có thu giữ của anh số tiền 40.000 đồng; 01 điện thoại di động OPPO F11 màu xanh.

Người làm chứng anh Hứa Văn Q trình bày: Khi đang trên đường về nhà thì anh nhận được điện thoại của chú Chu Văn T gọi bảo đến nhà chú Tỉnh đón chú Toàn về, khi đến nhà chú Tỉnh anh thấy có một số người đang tham gia đánh bạc xóc đĩa thắng thua bằng tiền, anh không tham gia đánh bạc mà chỉ đứng xem được khoảng 5-10 phút thì nghe mọi người nói có Công an nên mọi người nghỉ không chơi nữa, thấy vậy anh cũng ra và đi về nhà luôn; bà Hoàng Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa, lời khai trong hồ sơ thể hiện: Trưa ngày 03-8-2021 bà có ăn cơm cùng mọi người tại nhà và ăn xong trước rồi cho cháu đi ngủ, đến 17 giờ 30 phút bà thấy có công an đến lập biên bản, khi đó bà mới biết mọi người đánh bạc tại nhà ngang của gia đình, khi mọi người đánh bạc không có ai xin phép bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn phát biểu tại phiên tòa vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố các bị cáo Triệu Văn T, Chu Văn T, Hoàng Văn K, Hoàng Văn L, Triệu Văn D, Đường Văn T, Hứa Văn Q, Hoàng Văn T, Đặng Hồng Q, Hứa Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội Đánh bạc. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều

51; các Điều 17; 38; 50; 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hứa Văn T, Hoàng Văn K. Bị cáo Hứa Văn T áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 50; 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đặng Hồng Q. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 50; 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Triệu Văn T, Chu Văn T, Hoàng Văn L, Triệu Văn D, Hoàng Văn T, Đường Văn T và Hứa Văn Q. Các bị cáo Chu Văn T, Triệu Văn T, Đặng Hồng Q được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị: Xử phạt bị cáo Triệu Văn T mức án từ 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo đến 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo; xử phạt bị cáo Chu Văn T mức án từ 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo đến 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo; xử phạt bị cáo Hứa Văn T và Hoàng Văn K mức án từ 07 (bảy) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù; xử phạt bị cáo Đặng Hồng Q, Hoàng Văn T, Hoàng Văn L, Hứa Văn Q, Đường Văn T, Triệu Văn D mức án từ 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo đến 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo do các bị cáo đều làm ruộng, thu nhập không ổn định, sống cùng gia đình và không có tài sản riêng. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 Đề nghị: Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 590.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động OPPO A3S màu đỏ thu giữ của Triệu Văn T; 6.830.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động VIVO màu xanh thu giữ của Chu Văn T; 2.930.000 đồng, 01 điện thoại di động SamSung Galaxy J7, màu đen thu giữ của Hoàng Văn L; 140.000 đồng thu giữ của Triệu Văn D; 100.000 đồng thu giữ của Hoàng Văn K. Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc chiếu cói kích thước 1,9m x 1,6m; 01 chiếc bát sứ đường kính miệng bát 11cm; 01 chiếc đĩa sứ đường kính 17,5cm; 08 quân vị làm bằng tre, kích thước 1,4cm x 1,0cm, một mặt màu đen, một mặt màu nâu; 01 bảng vị bằng bìa cát tông. Tuyên trả lại cho Triệu Văn T 600.000 đồng; trả cho Vương Văn P 40.000 đồng, 01 điện thoại di động OPPO F11 màu xanh; trả cho Triệu Văn D 01 điện thoại di động SamSung GalaxyJ7, màu vàng và trả lại cho Hoàng Văn K 01 điện thoại di động OPPO A93, màu xanh do không liên quan đến hành vi phạm tội. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm của bản thân, nhận thức được hành vi phạm tội của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, rất hối hận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Việc vắng mặt của Vương Văn P, Hoàng Thị Đ không có lý do, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho họ, hồ sơ thể hiện đã có lời khai của họ, xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, do đó có đủ căn cứ xác định: Khoảng 14 giờ ngày 03 tháng 8 năm 2021, tại nhà Triệu Văn T ở Thôn Đ, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi ăn cơm xong xong Triệu Văn T, Chu Văn T, Hoàng Văn K, Hoàng Văn L, Hoàng Văn T rủ nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. Hoàng Văn L gọi điện cho Đường Văn T đến, sau đó có thêm Triệu Văn D, Hứa Văn Q, Đặng Hồng Q đến cùng tham gia đánh bạc, khi đánh bạc Chu Văn T và Hoàng Văn K thay nhau xóc cái, Triệu Văn T cầm bảng vị, Hứa Văn T có mặt tại nhà Triệu Văn T, không tham gia đánh bạc nhưng đã cho Hoàng Văn K vay 5.000.000 đồng để Hoàng Văn K đánh bạc, các bị cáo cùng nhau đánh bạc đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, thì bị Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn phát hiện, quá trình điều tra làm rõ số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 10.590.000 đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã cấu thành tội Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đủ năng lực, độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, vì tư lợi cá nhân, mục đích Đánh bạc nhằm thu lợi bất chính. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây mất trật tự, trị an xã hội tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Đánh bạc là một tệ nạn đang là vấn đề bức xúc trong xã hội, hiện nay Nhà nước ta đang nghiêm cấm hành vi này dưới mọi hình thức nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, chứng tỏ các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra nhằm răn đe, giáo dục và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[5] Đề cá thể hóa hình phạt, có mức án thỏa đáng đối với các bị cáo cần phải xem xét vai trò, tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo: Đây là

vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo phạm tội Đánh bạc không phân công vai trò cụ thể. Bị cáo Triệu Văn T là chủ nhà cùng các bị cáo khác sử dụng địa điểm là nhà của mình là nơi đánh bạc, đã lấy chiếu, bát, đĩa, quân vị và bảng vị được chuẩn bị sẵn trong nhà, là người cầm bảng vị; Chu Văn T là người trái chiếu, xóc cái từ khi tham gia sau đó chuyển cho Hoàng Văn K xóc cái; các bị cáo còn lại Triệu Văn D, Đường Văn T, Hứa Văn Q, Hoàng Văn T, Đặng Hồng Q, khi được Triệu Văn T, Hoàng Văn L gọi điện và tự sang nhà Triệu Văn T thấy các đối tượng đang đánh bạc thì tích cực tham gia đánh bạc là đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án; bị cáo Hứa Văn T tuy không tham gia đánh bạc nhưng có hành vi giúp sức cho Hoàng Văn K mượn tiền để Hoàng Văn K đánh bạc, đồng phạm trong vụ án Đánh bạc. Số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc mức thấp nhất là 200.000 đồng đến 5.400.000 đồng.

[6] Xét về nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Đặng Hồng Q đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, xử phạt 05 năm tù về tội Tàng trữ, lưu hành tiền giả, đã chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 02-9-2002, đến thời điểm phạm tội đã chấp hành xong bản án được gần 20 năm; bị cáo Hoàng Văn K bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 30-8-2011; ngày 27-11-2015, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích và ngày 02-02-2016 và Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm 15 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 24-01-2017, tính đến thời điểm phạm tội đã chấp hành xong bản án được gần 04 năm; bị cáo Hứa Văn T đã bị xét xử về tội Đánh bạc, chưa được xóa án tích; các bị cáo còn lại Triệu Văn T, Chu Văn T, Hoàng Văn L, Triệu Văn D, Hoàng Văn T, Đường Văn T và Hứa Văn Q bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật.

[7] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Hứa Văn T, Hoàng Văn K: Bị cáo Hứa Văn T có 01 tiền án về tội Đánh bạc chưa được xóa án tích là tình tiết tăng nặng tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Tuyên, Khánh đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Hoàng Văn K thuộc dân tộc thiểu số sinh sống tại thôn có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, phòng ngừa tiếp tục phạm tội và tuyên truyền, giáo dục, răn đe những ai có ý định thực hiện hành vi tương tự.

[8] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Triệu Văn T, Chu Văn T, Hoàng Văn L, Triệu Văn D, Hoàng Văn T, Đường Văn T, Hứa Văn Q, Đặng Hồng Q đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định

tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo Triệu Văn T, Chu Văn T, Hoàng Văn L, Triệu Văn D, Hoàng Văn T, Đường Văn T, Hứa Văn Q phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo Triệu Văn T, Triệu Văn D thuộc dân tộc thiểu số sinh sống tại thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo Chu Văn T có bố đẻ Chu Văn Dằm, mẹ đẻ Triệu Thị Châu được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang và Huy chương kháng chiến hạng Nhì; bị cáo Đặng Hồng Q có bố đẻ là Đặng Văn Trang là thương binh loại A, thương tật hạng $\frac{3}{4}$, có đơn xin hưởng án treo, tích cực tham gia các hoạt động tại địa phương có Biên lai thu tiền của Ủy ban nhân dân xã ủng hộ công tác phòng chống dịch Covid-19 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra bị cáo Triệu Văn T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt do gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình và bị bệnh tim, vợ là Hoàng Thị Đ bị mỡ thận, bị cao huyết áp và tiểu đường phải uống thuốc hàng ngày, bố đẻ là ông Triệu Văn Minh bị câm điếc, liệt tại chỗ là đối tượng được bảo trợ xã hội.

[9] Các bị cáo Triệu Văn T, Chu Văn T, Hoàng Văn L, Triệu Văn D, Hoàng Văn T, Đường Văn T, Hứa Văn Q, Đặng Hồng Q đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo luôn chấp hành đúng chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; các bị cáo đều có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Xét thấy không cần bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, chưa cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để các bị cáo có cơ hội tiếp tục được cải tạo tại địa phương, rèn luyện sửa chữa lỗi lầm, xử phạt mức án tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ sức răn đe các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[10] Tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, các bị cáo đều làm ruộng, thu nhập không ổn định, sống cùng gia đình và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo.

[11] Đối với Vương Văn P, Hứa Văn Q có mặt tại nơi đánh bạc nhưng không tham gia đánh bạc, không có hành vi giúp sức cho các bị cáo khác đánh bạc. Bà Hoàng Thị Đ là vợ của bị cáo Triệu Văn T đồng chủ sở hữu ngôi nhà, do bà Hoàng Thị Đ không biết việc các bị cáo đánh bạc trái phép tại nhà mình, không biết việc chồng mình là Triệu Văn T đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại nhà mình và không có hành vi khác giúp sức cho các bị cáo đánh bạc. Cơ quan điều tra không xem xét hình thức xử lý đối với Vương Văn P, Hứa Văn Q, Hoàng Thị Đ là có cơ sở, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo Hứa Văn T, Hoàng Văn K, Triệu Văn T, Chu Văn T, Hoàng Văn T, Hoàng Văn L và Đặng Hồng Q là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo Triệu Văn D, Đường Văn T và Hứa Văn Q có phần nghiêm khắc, Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định. Đại diện Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo Triệu Văn T, Hoàng Văn K, Triệu Văn D thuộc dân tộc thiểu số sinh sống tại thôn có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là chưa phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sẽ xem xét.

[13] Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đối với số tiền 590.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động OPPO A3S màu đỏ, số IMEI 1: 745374, IMEI 2: 745366 thu giữ của Triệu Văn T; 6.830.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động VIVO màu xanh, số IMEI 1: 955775, IMEI 2: 955767 thu giữ của Chu Văn T; 2.930.000 đồng, 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7, màu đen, số IMEI 1: 443078, IMEI 2: 443076 thu giữ của Hoàng Văn L; 140.000 đồng thu giữ của Triệu Văn D; 100.000 đồng thu giữ của Hoàng Văn K là vật chứng sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung công quỹ nhà nước. Đối với 01 chiếc chiếu cói kích thước 1,9m x 1,6m; 01 chiếc bát sứ đường kính miệng bát 11cm; 01 chiếc đĩa sứ đường kính 17,5cm; 08 quân vị làm bằng tre, kích thước 1,4cm x 1,0cm, một mặt màu đen, một mặt màu nâu; 01 bảng vị bằng bìa cát tông là vật dùng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy. Tuyên trả lại cho Triệu Văn T 600.000 đồng; trả cho Vương Văn P 40.000 đồng, 01 điện thoại di động OPPO F11 màu xanh, số IMEI 1: 379859, IMEI 2: 374842; trả cho Triệu Văn D 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7, màu vàng, số IMEI 1: 891566, IMEI 2: 891569; trả cho Hoàng Văn K 01 điện thoại di động OPPO A93, màu xanh, số IMEI 1: 172439, IMEI 2: 172421, xác định không liên quan đến hành vi phạm tội.

[14] Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 38; 50; 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hứa Văn T, Hoàng Văn K. Bị cáo Hứa Văn T áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm

2015. Bị cáo Hoàng Văn K được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 50; 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Đặng Hồng Q.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 50; 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Triệu Văn T, Chu Văn T, Hoàng Văn L, Triệu Văn D, Hoàng Văn T, Đường Văn T và Hứa Văn Q. Các bị cáo Triệu Văn T, Chu Văn T, Triệu Văn D được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; căn cứ khoản 2; khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; các Điều 292, 293, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Triệu Văn T, Chu Văn T, Hoàng Văn K, Hoàng Văn L, Triệu Văn D, Đường Văn T, Hứa Văn Q, Hoàng Văn T, Đặng Hồng Q, Hứa Văn T phạm tội *Đánh bạc*.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt các bị cáo Hứa Văn T, Hoàng Văn K: 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

2.2. Xử phạt bị cáo Triệu Văn T 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 17-11-2021.

2.3. Xử phạt bị cáo Chu Văn T 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 17-11-2021.

2.4. Xử phạt các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn L, Đặng Hồng Q: 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 17-11-2021.

2.5. Xử phạt các bị cáo Triệu Văn D, Đường Văn T, Hứa Văn Q: 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 17-11-2021.

Giao các bị cáo Triệu Văn T, Chu Văn T, Hoàng Văn T, Hoàng Văn L, Đặng Hồng Q, Triệu Văn D, Đường Văn T, Hứa Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn và gia đình có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án

có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo.

3. Xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước: 590.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động OPPO A3S màu đỏ, số IMEI 1: 745374, IMEI 2: 745366 thu giữ của Triệu Văn T; 6.830.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động VIVO màu xanh, số IMEI 1: 955775, IMEI 2: 955767 thu giữ của Chu Văn T; 2.930.000 đồng, 01 điện thoại di động SamSung Galaxy J7, màu đen, số IMEI 1: 443078, IMEI 2: 443076 thu giữ của Hoàng Văn L; 140.000 đồng thu giữ của Triệu Văn D; 100.000 đồng thu giữ của Hoàng Văn K.

3.2. Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc chiếu cói kích thước 1,9m x 1,6m; 01 chiếc bát sứ đường kính miệng bát 11cm; 01 chiếc đĩa sứ đường kính 17,5cm; 08 quân vị làm bằng tre, kích thước 1,4cm x 1,0cm, một mặt màu đen, một mặt màu nâu; 01 bảng vị bằng bìa cát tông.

3.3. Tuyên trả lại cho Triệu Văn T 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng); trả lại cho Vương Văn P 40.000 đồng (bốn mươi nghìn đồng) và 01 điện thoại di động OPPO F11 màu xanh, số IMEI 1: 379859, IMEI 2: 374842; trả lại cho Triệu Văn D 01 điện thoại di động SamSung GalaxyJ7, màu vàng, số IMEI1: 891566, IMEI 2: 891569; trả cho Hoàng Văn K 01 điện thoại di động OPPO A93, màu xanh, số IMEI 1: 172439, IMEI 2: 172421.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Chi tiết theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28 tháng 10 năm 2021).

4. Về án phí: Các bị cáo Triệu Văn T, Chu Văn T, Hoàng Văn K, Hoàng Văn L, Triệu Văn D, Đường Văn T, Hứa Văn Q, Hoàng Văn T, Đặng Hồng Q, Hứa Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an h Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THAHSCA h Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Nhà tạm giữ CA h Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người có QLVN liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thúy Huyền

